

Báo cáo Cập nhật ngành Ngân hàng **Q1/2026**

Ngày cập nhật: 29/05/2026



NỘI DUNG BÁO CÁO

TÓM TẮT CẬP NHẬT NGÀNH NGÂN HÀNG Q1/2026

I. CẬP NHẬT ĐIỂM NHẤN NGÀNH Q1/2026

- 1. Tín dụng & Huy động:** Tăng trưởng tín dụng Q1/2026 đạt 3,2% YTD trong khi tăng trưởng huy động (TGKH + GTCG) đạt 1,6% YTD
- 2. Thanh khoản:** Chênh lệch tăng trưởng tín dụng và huy động tiếp tục làm gia tăng áp lực thanh khoản đến hệ thống, điểm nhấn Dự thảo thay thế TT22
- 3. Tỷ giá:** Tỷ giá tự do tăng cao trong Q1/2026 nhưng tính đến T5/2026 đã điều chỉnh tiệm cận với mức trần của tỷ giá trung tâm
- 4. Lạm phát:** Cuộc chiến Mỹ - Iran khiến CPI vượt 5% trong tháng 4/2026
- 5. Lãi suất:** Lãi suất huy động tiếp tục tăng trong Q1/2026

II. CẬP NHẬT KQKD Q1/2026

- 1. Kết quả kinh doanh:** Tăng trưởng LNTT Q1/2026 toàn ngành đạt 15% YoY
- 2. Chất lượng tài sản:** Tỷ lệ nợ xấu có xu hướng tăng trở lại

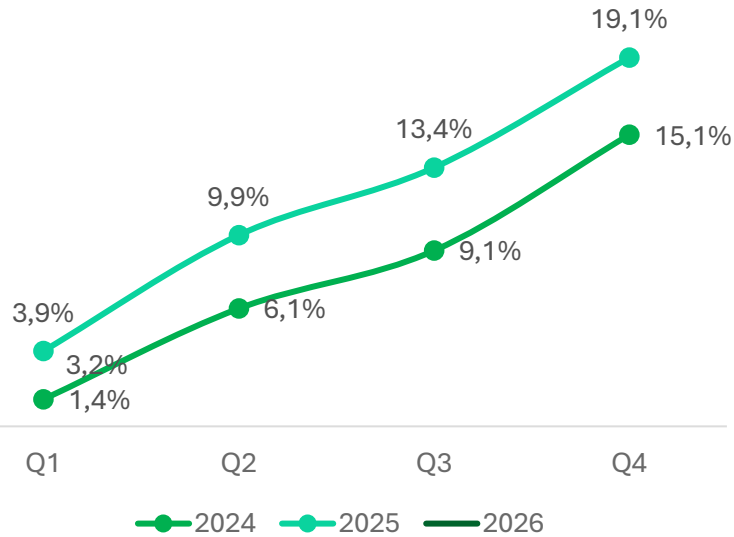
IV. PHỤ LỤC

CẬP NHẬT ĐIỂM NHẤN NGÀNH NGÂN HÀNG Q1/2026

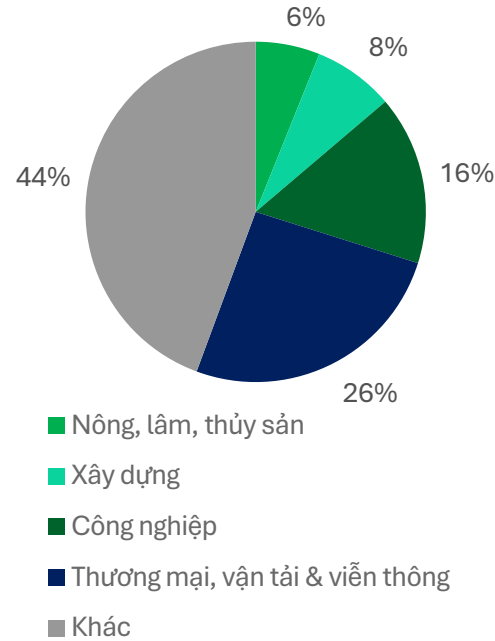


Tín dụng: Tăng trưởng 3 tháng đầu năm đạt 3,2% YTD

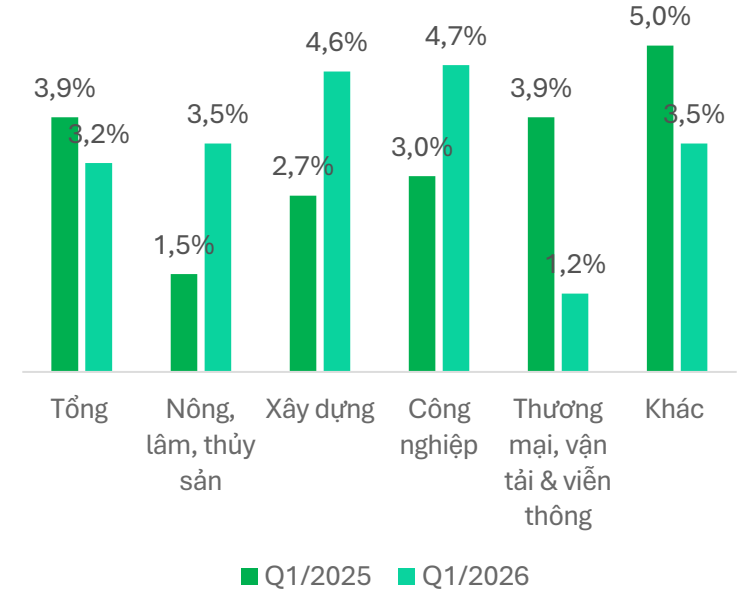
Tăng trưởng tín dụng



Tỷ trọng dư nợ theo ngành



Tăng trưởng tín dụng theo ngành



Nguồn: Fiinpro, DSC tổng hợp

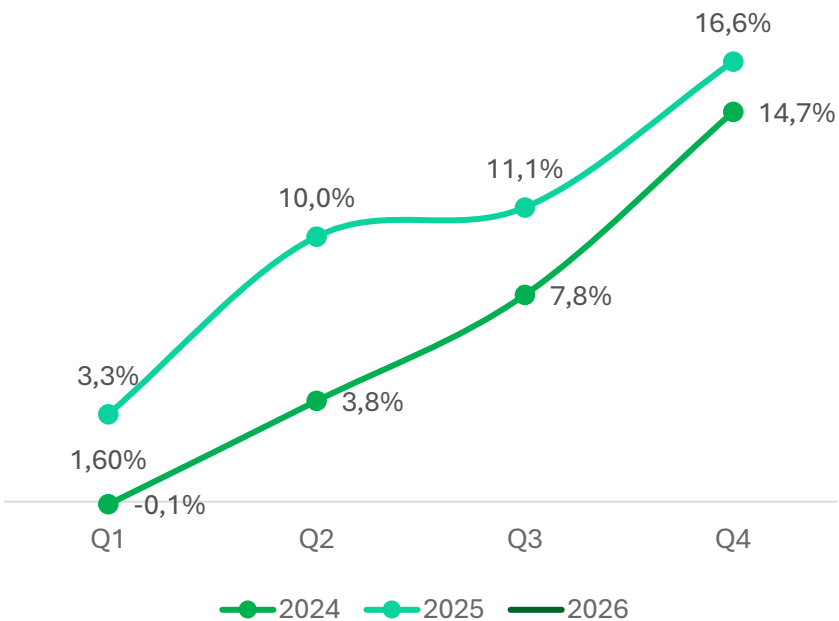
➤ **Tăng trưởng tín dụng 3 tháng đầu năm 2026 đạt 3,18% YTD, thấp hơn so với cùng kỳ năm 2025 và phù hợp với mục tiêu tăng trưởng tín dụng 15% cả năm của NHNN.** Với định hướng ưu tiên các lĩnh vực sản xuất kinh doanh và kiểm soát chặt chẽ với lĩnh vực BĐS, đặc biệt là các phân khúc rủi ro, tốc độ tăng trưởng tín dụng vào lĩnh vực khác (bao gồm BĐS) đã chậm lại so với cùng kỳ và bám sát hơn với tăng trưởng toàn hệ thống trong khi các lĩnh vực như xây dựng, công nghiệp ghi nhận tăng trưởng tín dụng cao hơn trung bình ngành.

CẬP NHẬT ĐIỂM NHẤN NGÀNH NGÂN HÀNG Q1/2026

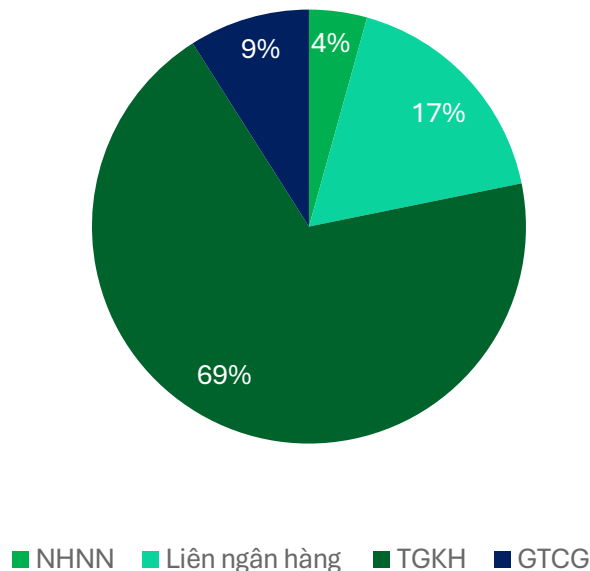


Huy động: Tăng trưởng tổng huy động TGKH & GTCG 3 tháng đầu năm đạt 1,6% YTD

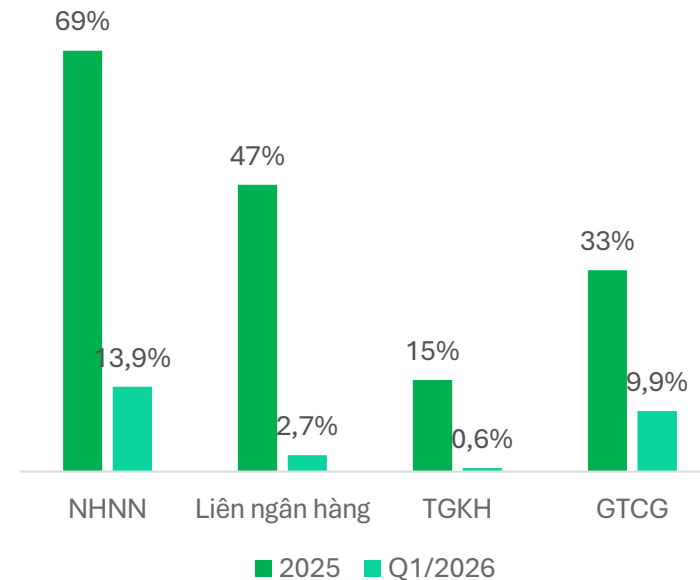
Tăng trưởng huy động từ TGKH & GTCG



Tỷ trọng nguồn vốn huy động



Tăng trưởng nguồn vốn theo đối tượng



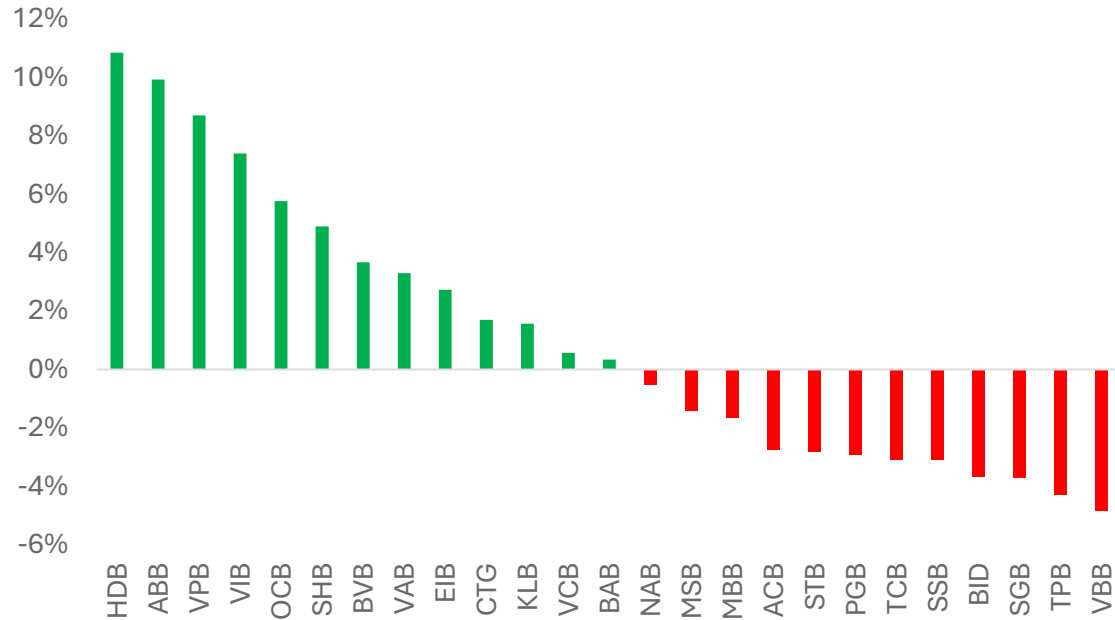
Nguồn: Fiinpro, DSC tổng hợp từ 25 NH niêm yết

➤ **Tăng trưởng huy động (bao gồm TGKH + GTCG) 3 tháng đầu năm 2026 đạt 1,6% YTD, trong đó tiền gửi khách hàng tăng trưởng 0,6% YTD và phát hành giấy tờ có giá tăng trưởng 9,9% YTD.** Ngược lại, tiền gửi và nợ từ NHNN & CP tăng 69% YTD, chủ yếu nhờ lượng tiền gửi từ KBNN và một số ngân hàng thực hiện giao dịch repo với KBNN, vay tái cấp vốn từ NHNN.

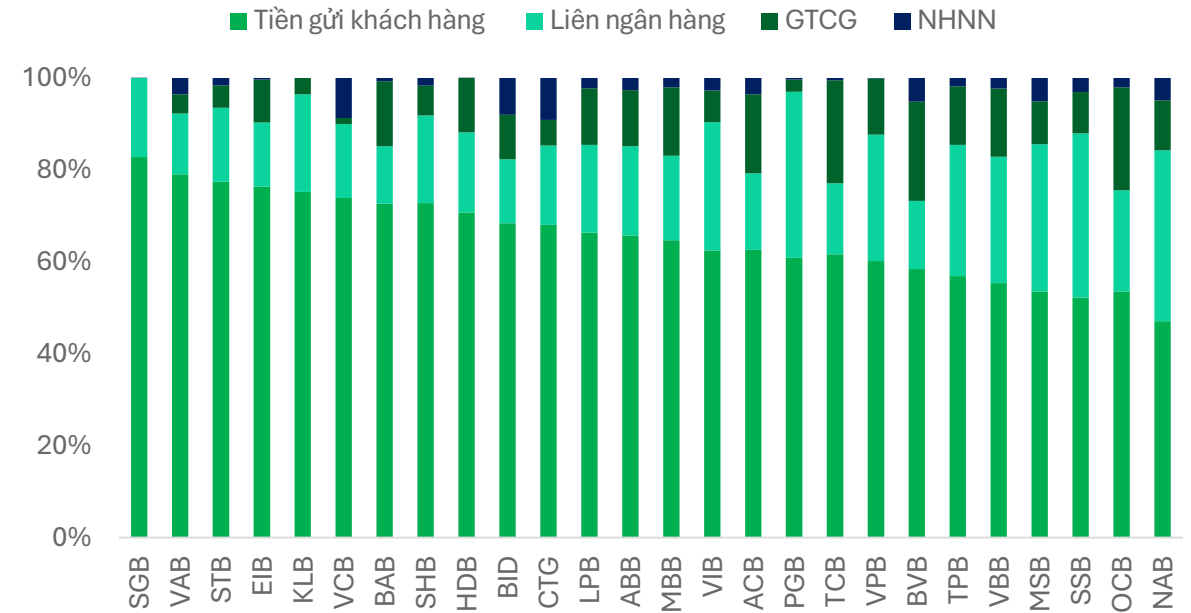
CẬP NHẬT ĐIỂM NHẤN NGÀNH NGÂN HÀNG Q1/2026

Huy động: Nhiều ngân hàng ghi nhận tăng trưởng âm tiền gửi khách hàng

Tiền gửi khách hàng (YTD)



Cơ cấu các nguồn vốn huy động



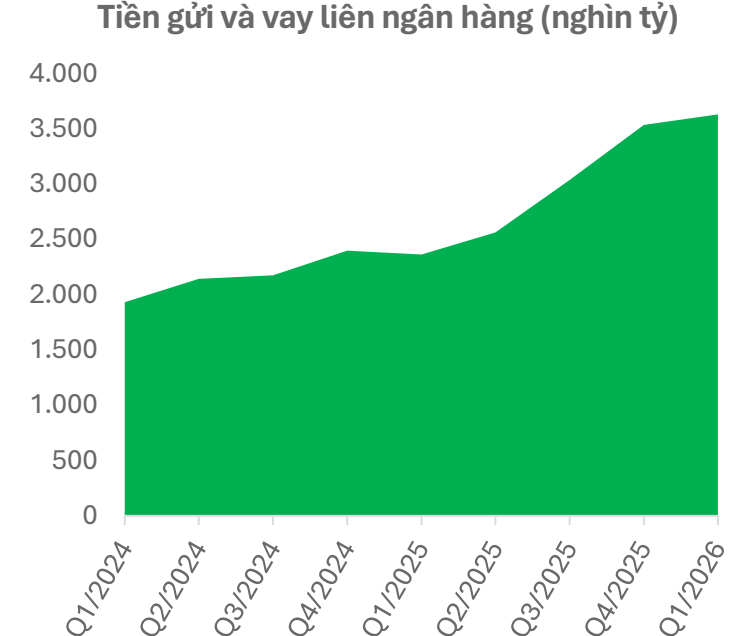
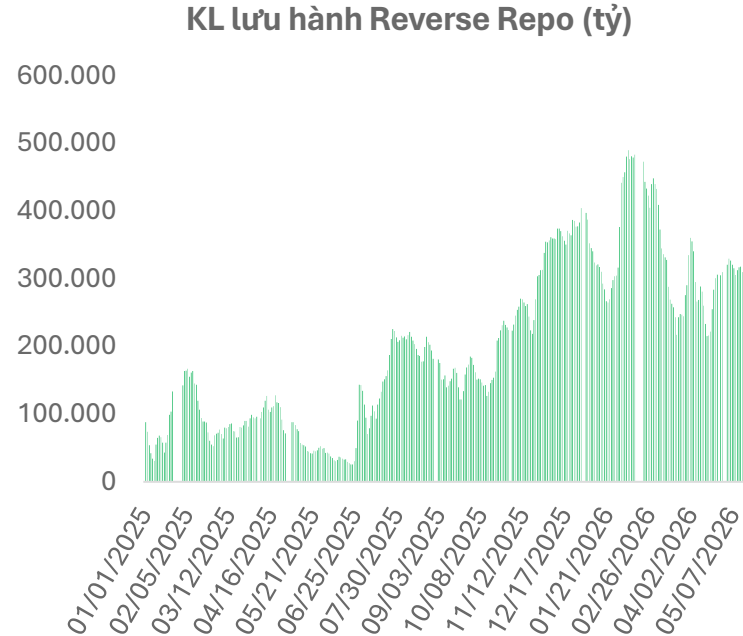
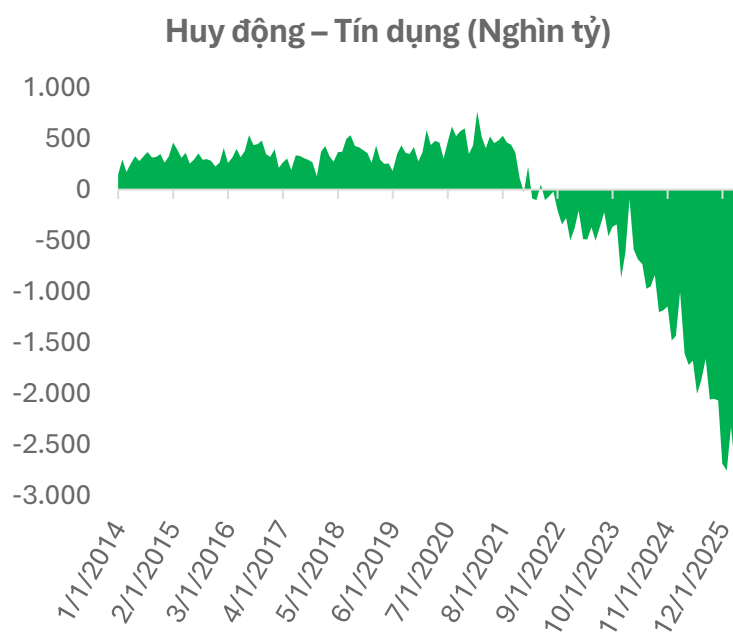
Nguồn: Fiinpro, DSC tổng hợp từ 25 NH niêm yết

➤ Nhiều ngân hàng ghi nhận tăng trưởng tiền gửi khách hàng âm kể từ đầu năm dù lãi suất huy động liên tục tăng kể từ cuối năm 2025 khiến các ngân hàng phải tăng cường huy động từ GTCG và tìm kiếm các nguồn huy động ngắn hạn khác từ thị trường liên ngân hàng và vay NHNN.

CẬP NHẬT ĐIỂM NHẤN NGÀNH NGÂN HÀNG Q1/2026



Thanh khoản: Chênh lệch Huy động – Tín dụng mở rộng



Nguồn: SBV, Fiiipro, DSC tổng hợp từ 25 NH niêm yết

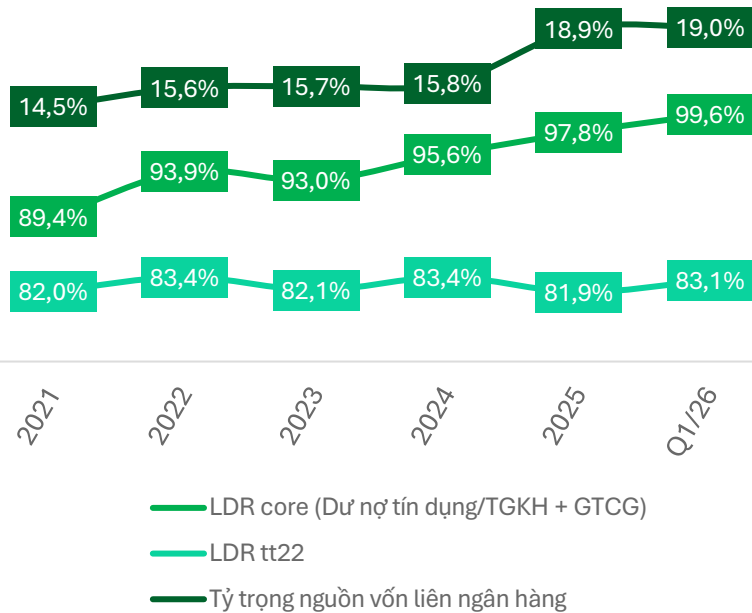
- **Chênh lệch Huy động – Tín dụng ước tính khoảng 2,7 triệu tỷ (Tổng dư nợ tín dụng – Tổng huy động từ tiền gửi khách hàng và GTCG với cư dân & doanh nghiệp) hiện đang được bù đắp chủ yếu từ nguồn vốn liên ngân hàng và hoạt động hỗ trợ thanh khoản thông qua thị trường mở của NHNN.**
- Quy mô thị trường mở OMO và thị trường liên ngân hàng đã liên tục được mở rộng trong năm 2025 và vẫn tiếp tục duy trì trong năm 2026 nhằm hỗ trợ thanh khoản thiếu hụt cho các ngân hàng. Tuy nhiên, bản chất đây vẫn là các nguồn huy động mang tính chất định hướng, ngắn hạn trong khi hoạt động tín dụng tập trung vào các kỳ hạn dài hơn dẫn đến chênh lệch kỳ hạn và làm tăng áp lực thanh khoản cho hệ thống.

CẬP NHẬT ĐIỂM NHẤN NGÀNH NGÂN HÀNG Q1/2026

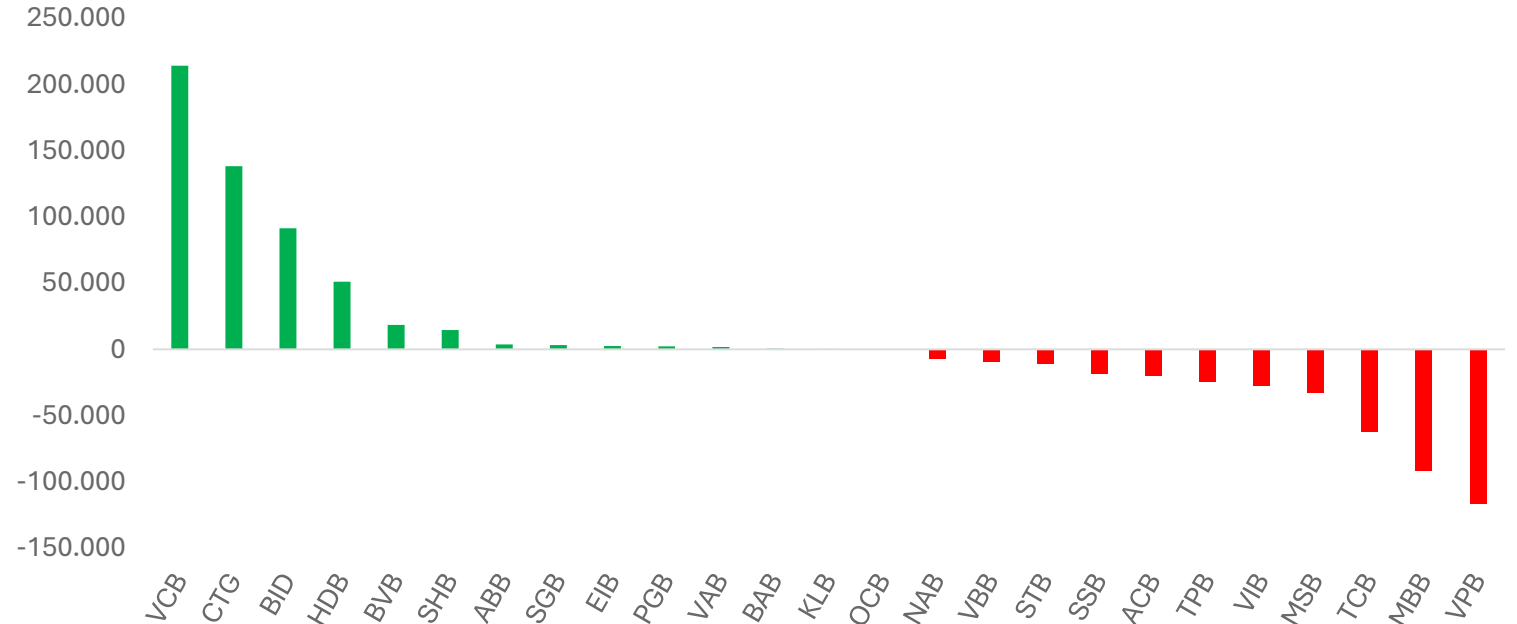


Thanh khoản: Tỷ trọng huy động từ liên ngân hàng tiếp tục gia tăng trong cơ cấu nguồn vốn

Thanh khoản hệ thống chịu áp lực



Trạng thái ròng liên ngân hàng (tỷ)



Nguồn: Fiinpro, DSC tổng hợp từ 25 NH niêm yết

- Nguồn vốn từ thị trường 2 đang tài trợ khoảng 19% tổng nguồn vốn huy động của hệ thống ngân hàng tuy nhiên chủ yếu chỉ có các ngân hàng quốc doanh duy trì được trạng thái ròng dương và chi phối đáng kể đối với TT2.
- Các ngân hàng quốc doanh có được trạng thái ròng dương đối với thị trường 2 nhờ nhận được một lượng tiền gửi lớn từ KBNN (ước tính 555.000 tỷ với 3 ngân hàng VCB, BID, CTG tại Q1/2026). Vì vậy, **bất kể biến động nào từ tiền gửi KBNN và tiến độ giải ngân ĐTC đều có thể ảnh hưởng trực tiếp đến TT2 khiến lãi suất liên ngân hàng biến động.**

CẬP NHẬT ĐIỂM NHẤN NGÀNH NGÂN HÀNG Q1/2026



Thanh khoản: Dự thảo thay thế Thông tư 22

Tóm tắt thay đổi Dự thảo thay thế TT22 (*Chi tiết slide tiếp theo)

LDR -> CDR	Trần 85%			
LEV (Leverage ratio)	Tối thiểu 3% vốn cấp 1 trên tổng trạng thái rủi ro			
Lộ trình áp dụng	2028	2029	2030	2031
Tỷ lệ chi trả trong 30 ngày -> LCR	70%	80%	90%	100%
Tỷ lệ NVNHCVTDH -> NFSR	90%	95%	100%	

Nguồn: DSC tổng hợp

- Dự thảo thay thế TT2 về các tỷ lệ đảm bảo an toàn đã được NHNN công bố cuối tháng 4/2025, tiếp nối TT14 quy định về tỷ lệ an toàn vốn với các tiêu chuẩn hướng đến Basel III, tập trung vào thay đổi các tỷ lệ về đo lường thanh khoản và nguồn vốn với mục tiêu tăng cường nền tảng vốn và khả năng đáp ứng thanh khoản giúp các ngân hàng chống chịu trong các kịch bản căng thẳng kéo dài.
- Một số thay đổi quan trọng:
 - Thay thế tỷ lệ LDR (Loan to Deposit ratio) -> CDR (Credit to Deposit ratio) hướng đến tỷ lệ cho vay/huy động lành mạnh hơn, phản ánh đúng thanh khoản hệ thống
 - Lộ trình thay đổi cách tính LCR (Liquid coverage ratio) nhằm đánh giá chính xác vị thế dự trữ các tài sản thanh khoản cao của ngân hàng
 - Lộ trình thay thế tỷ lệ nguồn vốn NH cho vay TDH -> NSFR (Net Stable Funding ratio) nhằm đánh giá mức độ bền vững của các nguồn vốn đáp ứng các nghĩa vụ
- Nhìn chung, **các thay đổi trong Dự thảo tập trung vào các tài sản thanh khoản cao và nguồn vốn ổn định**, trong đó ưu tiên tiền gửi từ khách hàng bán lẻ/SMEs với mức độ ổn định cao hơn so với tiền gửi bán buôn (TGKB, liên ngân hàng, doanh nghiệp) và định hướng tín dụng vào kỳ hạn ngắn hơn và rủi ro thấp hơn.

CẬP NHẬT ĐIỂM NHẤN NGÀNH NGÂN HÀNG Q1/2026



Thanh khoản: Dự thảo thay thế Thông tư 22

Thông tư 22/2019 – NHNN	Dự thảo thay thế TT22	Thay đổi	Đánh giá
$LDR = \frac{\text{Cho vay khách hàng}}{\text{Tiền gửi TT1+Tiền gửi TT2+GTCC+hệ số x TGKB}}$	$CDR = \frac{\text{Cho vay khách hàng (bao gồm TPDN) - VCSH*}}{\text{Tiền gửi TT 1+GTCC+20% x TGKB}}$	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Tỷ số: bao gồm thêm dư nợ từ TPDN, được điều chỉnh phần dư nợ tài trợ từ VCSH ✓ Mẫu số: loại trừ tiền gửi từ TT2, thêm 20% TGKB 	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Tỷ số giảm đáng kể nhờ được điều chỉnh phần VCSH dù phải tính thêm TPDN ✓ Tuy nhiên, mẫu số chịu áp lực lớn hơn do quy mô tiền gửi T22 đóng góp tỷ trọng lớn trong cơ cấu nguồn vốn của hệ thống hiện tại
$LCR = \frac{\text{Tài sản có tính thanh khoản cao}}{\text{Dòng tiền ra ròng trong 30 ngày tiếp theo}} \times 100\%$	$LCR = \frac{\text{Tài sản có tính thanh khoản cao}}{\text{Dòng tiền ra ròng trong 30 ngày tiếp theo}} \times 100\%$	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Tỷ số: Phân loại tài khoản thanh khoản chi tiết hơn với hệ số thanh khoản được quy định theo từng loại tài sản ✓ Mẫu số: Dòng tiền ra được tính trên hệ số rút tiền quy định với từng loại tài sản phụ thuộc vào tính chất ổn định của dòng tiền thay vì đo lường đơn thuần các nghĩa vụ đến hạn trong 30 ngày 	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Tỷ số đưa ra quy định chặt chẽ hơn trong việc đánh giá tài sản thanh khoản cao ✓ Mẫu số quy định hệ số rút tiền theo phân loại tiền gửi dựa trên mức độ “ổn định” và “kém ổn định”. Trong đó tiền gửi bán lẻ/SMEs được tính hệ số cao hơn so với tiền gửi bán buôn (TGKB ngắn hạn, liên ngân hàng, doanh nghiệp)
<p>Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn</p> $= \frac{\text{Dư nợ cho vay TDH - Nguồn vốn TDH}}{\text{Nguồn vốn NH}} \times 100\%$	$NSFR = \frac{\text{Nguồn vốn ổn định sẵn có (ASF)}}{\text{Nguồn vốn ổn định yêu cầu (RSF)}} \times 100\%$	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Tỷ lệ NVNHCVTĐH: quy định theo kỳ hạn đơn giản ✓ NSFR: Nguồn vốn/tài sản được quy định theo hệ số ổn định của từng nguồn vốn/tài sản 	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Tỷ số ưu tiên các nguồn vốn bán lẻ và dài hạn ✓ Mẫu số yêu cầu hệ số cao đối với các khoản tín dụng rủi ro và dài hạn

Nguồn: DSC tổng hợp

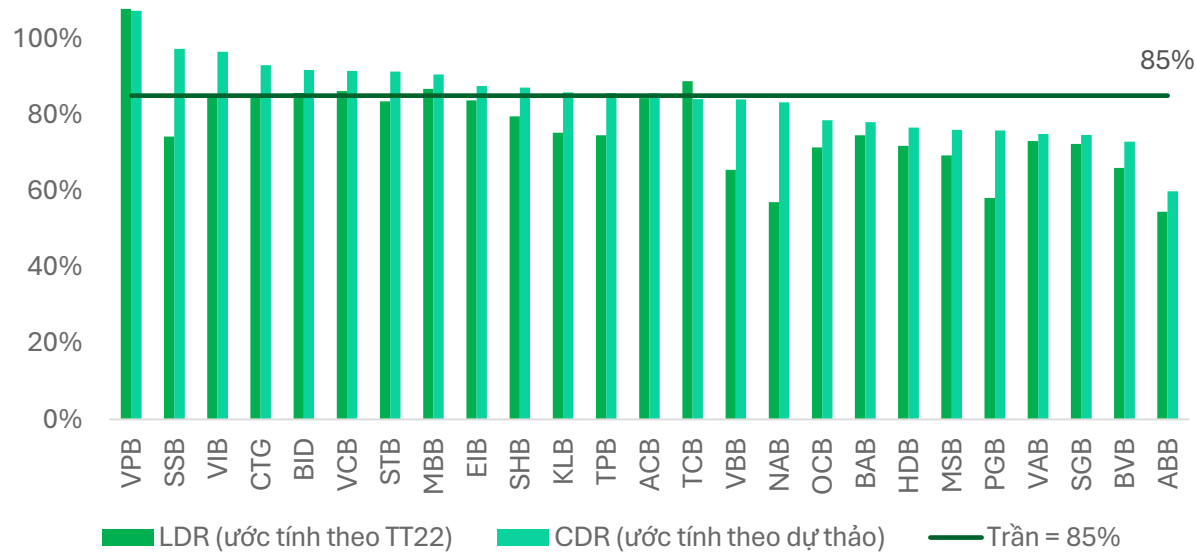
➤ **Việc thay đổi cách tính tỷ lệ LDR sẽ làm tăng đáng kể tỷ lệ này ở nhiều ngân hàng và cần thời gian để các ngân hàng tái cấu trúc lại nguồn vốn của mình, hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động tín dụng. Trong đó, tập trung vào huy động thị trường 1, giảm phụ thuộc vào các nguồn vốn ngắn hạn, kém ổn định là xu hướng tất yếu để đảm bảo an toàn hệ thống, tránh các tác động tiêu cực có thể lan sang nền kinh tế thực trong các kịch bản cực đoan.**

CẬP NHẬT ĐIỂM NHẤN NGÀNH NGÂN HÀNG Q1/2026

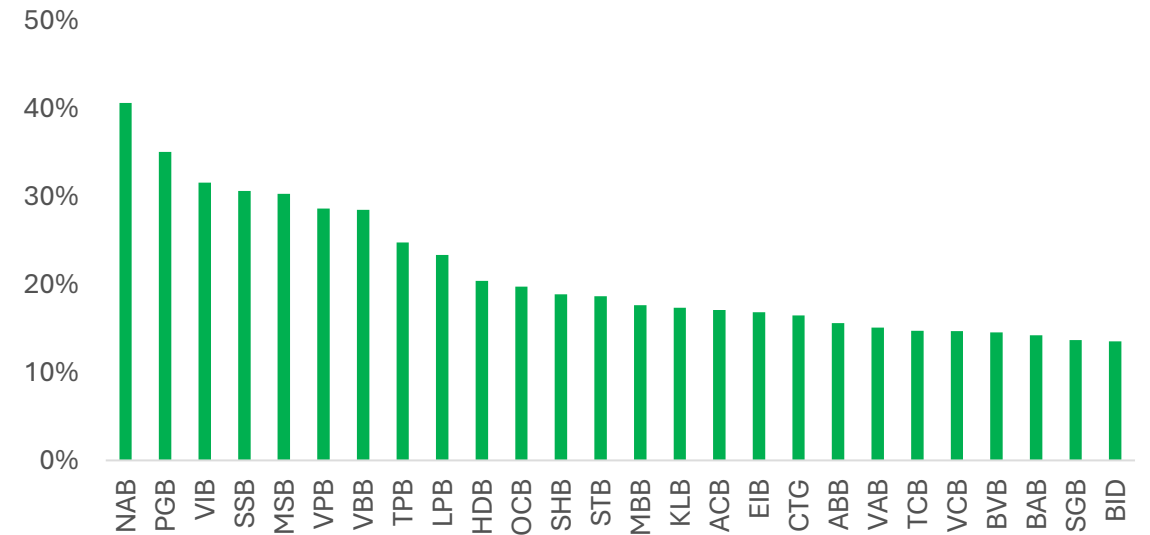


Thanh khoản: Dự thảo thay thế Thông tư 22

Ước tính thay đổi Dự thảo thay thế TT22



Tỷ trọng nguồn vốn liên NH của các ngân hàng



Nguồn: Finpro, DSC ước tính

*Các ngân hàng có tỷ trọng tiền gửi doanh nghiệp & liên ngân hàng và tỷ lệ cho vay trung dài hạn cao sẽ gặp nhiều áp lực hơn

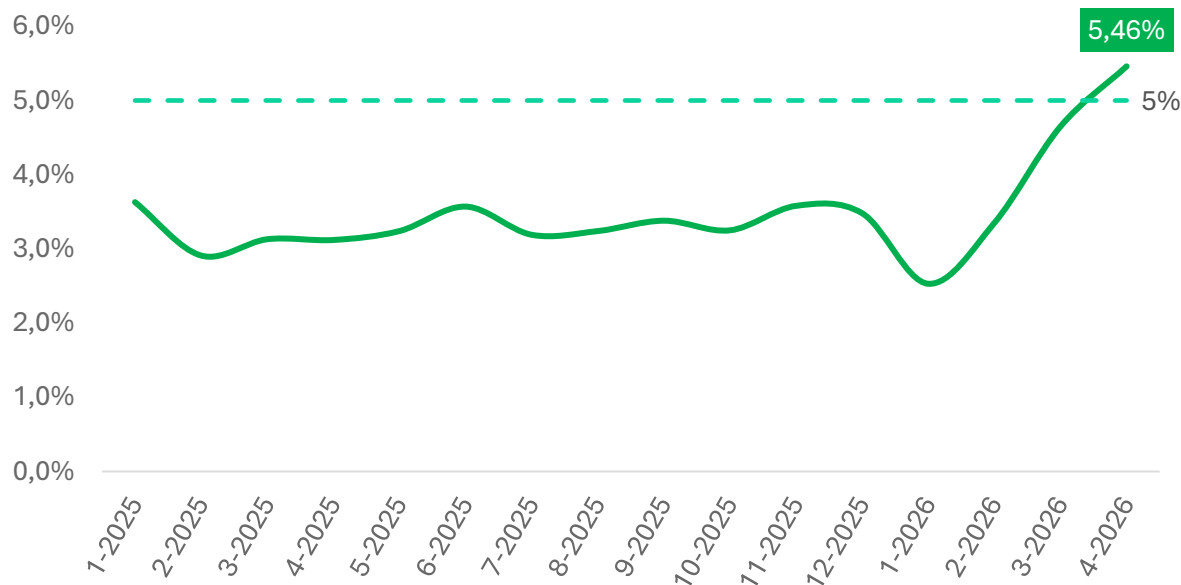
	ABB	ACB	BAB	BID	BVB	CTG	EIB	HDB	KLB	MBB	MSB	NAB	OCB	PGB	SGB	SHB	SSB	STB	TCB	TPB	VAB	VBB	VCB	VIB	VPB
LDR(TT22)	54,5%	84,4%	74,6%	85,6%	66,0%	84,4%	83,8%	71,8%	75,3%	86,8%	69,3%	57,0%	71,4%	58,1%	72,3%	79,5%	74,2%	83,5%	88,8%	74,6%	73,1%	65,5%	86,2%	84,7%	107,8%
CDR (Dự thảo)	59,9%	85,6%	78,0%	93,1%	72,9%	94,8%	87,5%	76,6%	85,8%	90,5%	76,0%	83,2%	78,5%	75,9%	74,7%	87,1%	97,3%	91,4%	84,1%	85,7%	74,9%	84,0%	91,5%	96,5%	107,3%
% tiền gửi cá nhân	71%	78%	95%	50%	86%	48%	73%	79%	94%	56%	44%	76%	69%	69%	68%	69%	58%	80%	59%	53%	88%	91%	49%	65%	56%
% cho vay trung dài hạn	79%	37%	57%	39%	41%	39%	42%	50%	52%	47%	63%	49%	73%	42%	31%	65%	53%	36%	62%	63%	31%	36%	42%	59%	60%

CẬP NHẬT ĐIỂM NHẤN NGÀNH NGÂN HÀNG Q1/2026

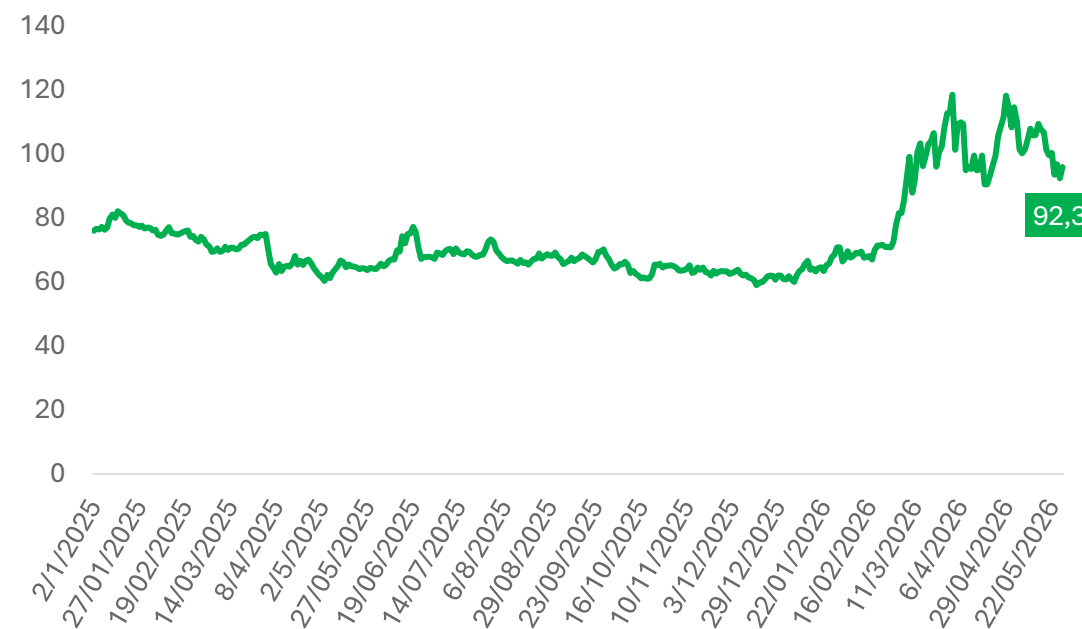


Lạm phát: Áp lực lạm phát từ cuộc chiến Mỹ - Iran hiện hữu

CPI chịu áp lực rõ rệt



Giá dầu Brent (\$/thùng)



Nguồn: Fiinpro, Tradingeconomics

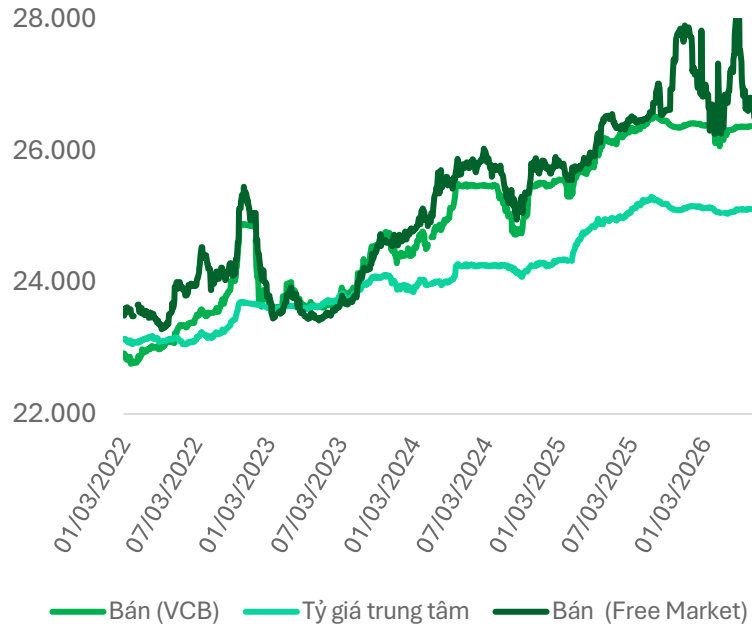
- Cuộc chiến Mỹ - Iran đã kéo dài hơn kỳ vọng ban đầu của chúng tôi khiến CPI chịu áp lực rõ rệt. Theo IEA, giá dầu Brent dự báo đạt trung bình 95\$/thùng (+37% sv 2025) với giả định 2 nước sẽ đạt được thỏa thuận sớm, eo biển Hormuz mở cửa lại từ tháng 6 và nguồn cung dần trở về cân bằng vào cuối năm. **Với mức tăng này, CPI của Việt Nam dự báo vẫn sẽ tiếp tục duy trì ở mức cao.**
- Hợp đồng lãi suất của FED cho thấy thị trường kỳ vọng sẽ có 1 đợt tăng lãi suất 0,25% vào tháng 12 do áp lực lạm phát quay trở lại từ gián đoạn nguồn cung dầu.

CẬP NHẬT ĐIỂM NHẤN NGÀNH NGÂN HÀNG Q1/2026

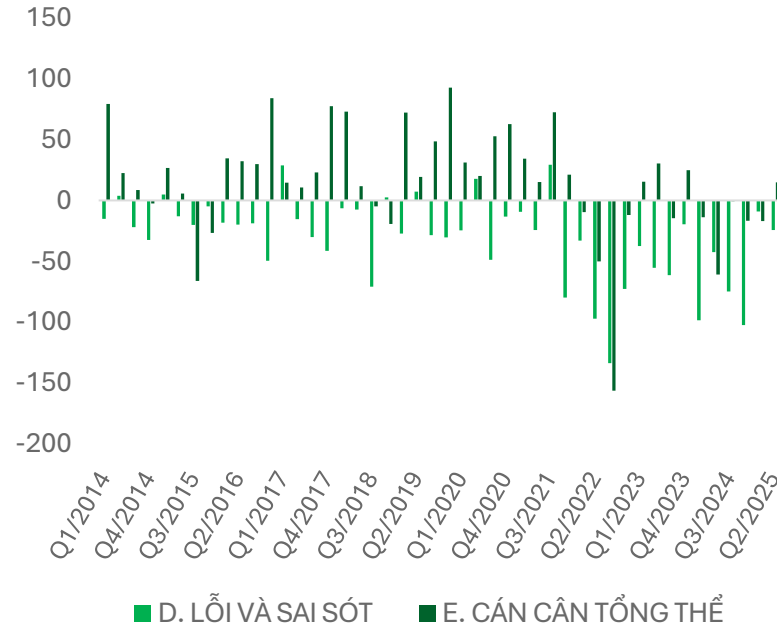


Tỷ giá: Hạ nhiệt nhờ nỗ lực kiểm soát các hoạt động mua bán ngoại tệ trái phép

Tỷ giá USD (VND)



Lỗi và sai sót âm kéo dài (tỷ USD)



- [★ Báo Quân đội nhân dân - https://www.qdnd.vn](https://www.qdnd.vn) · Xã hội · Chính sách · **Mua bán vàng, ngoại tệ sai quy định sẽ bị phạt rất nghiêm**
30 thg 1, 2026 — Cùng hành vi trên mà ngoại tệ mua, bán có giá trị từ 1.000 đến dưới 10.000 USD, bị phạt tiền từ 10 đến 20 triệu đồng; giá trị từ 10.000 đến ...
- [📄 Báo Mới - https://baomoi.com](https://baomoi.com) · Pháp luật · **Mua bán ngoại tệ trái phép bị phạt tới 100 triệu đồng ...**
6 thg 1, 2026 — Khi giá trị mua, bán ngoại tệ từ 10.000 USD đến dưới 100.000 USD, mức phạt tiền được nâng lên từ 20 triệu đồng đến 30 triệu đồng. Ngoài ra, hành ...
- [📰 VnEconomy - https://vneconomy.vn](https://vneconomy.vn) · Tài chính · **Mua bán "trao tay" ngoại tệ, vàng không phép sẽ bị phạt và ...**
12 thg 1, 2026 — Từ 9/2/2026, cá nhân vi phạm quy định mua bán ngoại tệ, vàng có thể bị phạt đến 400 triệu đồng và tịch thu tài sản theo Nghị định ...
- [📘 Facebook · Ngươi-Viet · >5,4 N lượt thể hiện cảm xúc · 4 tháng trước](#) · **Nghị định mới siết chặt mua bán ngoại tệ, người dân lo bị ' ...**
Theo nội dung nghị định, bất kỳ cá nhân nào đổi ngoại tệ tại các tiệm vàng hoặc điểm đổi tiền không được phép đều đối mặt với rủi ro bị "tịch ...
- [📰 Báo Bắc Ninh - https://baobacninh.vn](https://baobacninh.vn) · bo-quy-dinh-doi-mot-usd-o-tie... · **Bỏ quy định đổi một USD ở tiệm vàng phạt 100 triệu đồng**
Bỏ quy định đổi một USD ở tiệm vàng phạt 100 triệu đồng ... Theo quy định mới, mua bán trái phép dưới 1.000 USD sẽ bị cảnh cáo thay vì phạt tới 90 triệu như vụ ...
- [📰 Công an Đà Nẵng - https://congan.danang.gov.vn](https://congan.danang.gov.vn) · ... · **Mua bán ngoại tệ trái phép, tiệm vàng và khách hàng cùng ...**
20 thg 10, 2025 — Phòng An ninh kinh tế, Công an thành phố Đà Nẵng vừa ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Doanh nghiệp tư nhân hiệu vàng H.P.H. ...

Nguồn: Fiiipro, DSC tổng hợp

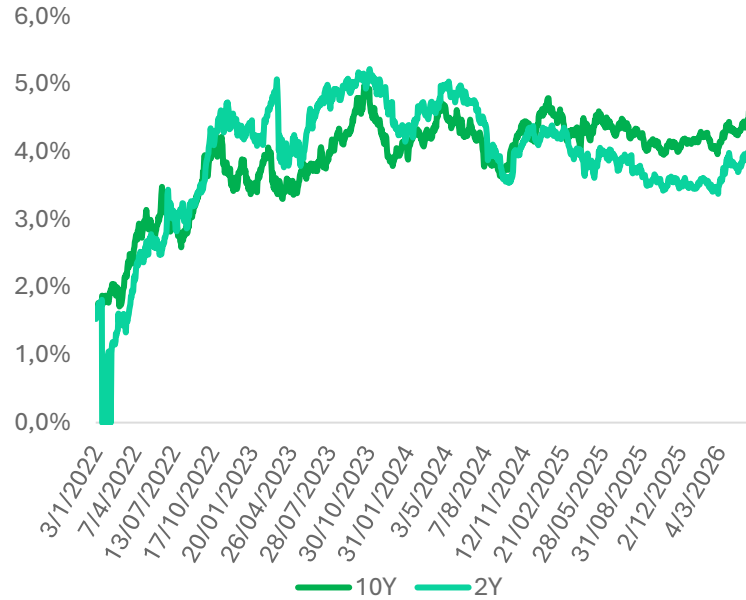
- Kể từ đầu tháng 4 đến nay (cuối tháng 5), tỷ giá tự do liên tục giảm và tiệm cận với mức trần của tỷ giá trung tâm, chúng tôi đánh giá đây có thể là tác động tích cực từ các nỗ lực xử lý các vi phạm về buôn bán ngoại tệ, vàng.
- Lỗi và sai sót âm kéo dài thể hiện một lượng lớn ngoại tệ đã chảy ra ngoài nền kinh tế thông qua các hoạt động phi chính thức, vì vậy việc tích cực xử lý các hoạt động vi phạm này sẽ hỗ trợ NHNN ổn định tỷ giá.

CẬP NHẬT ĐIỂM NHẤN NGÀNH NGÂN HÀNG Q1/2026

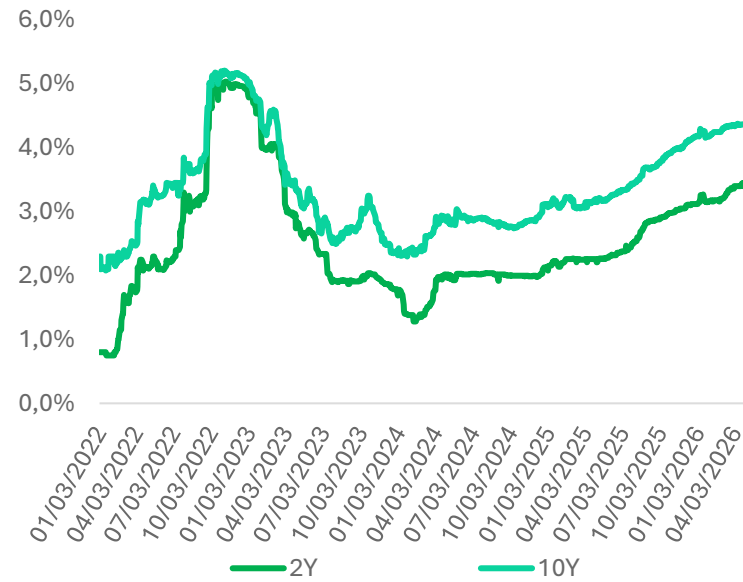


Lãi suất: Môi trường lãi suất duy trì xu hướng tăng

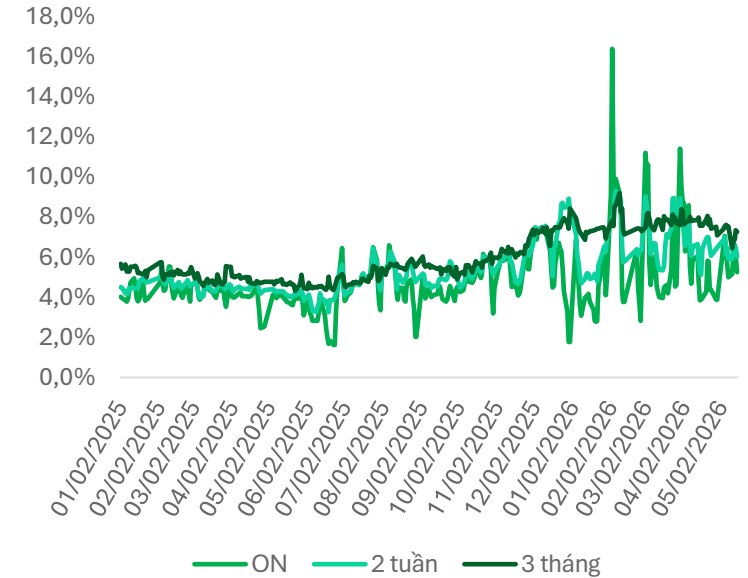
Lợi suất TPCP Mỹ



Lợi suất TPCP Việt Nam



Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Finpro, DSC tổng hợp

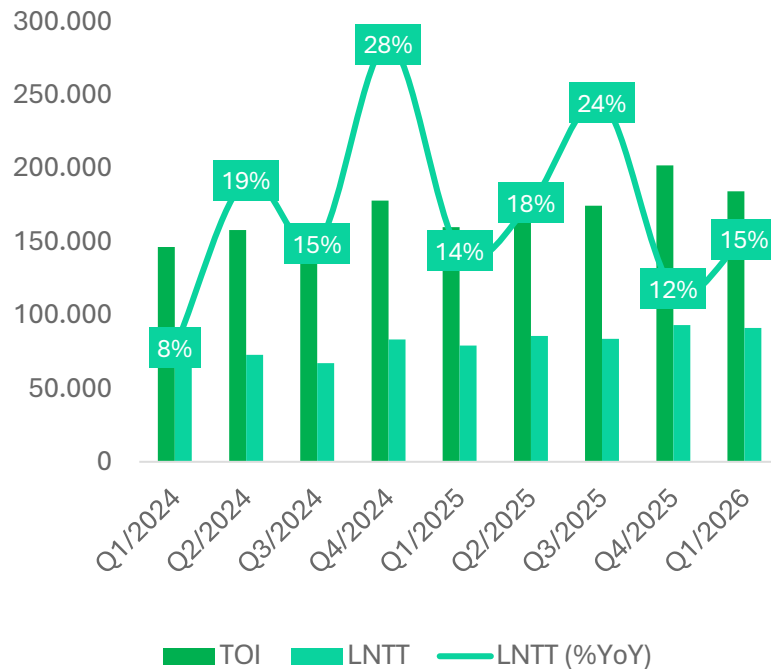
- **Áp lực thanh khoản, tỷ giá và gần nhất là lạm phát, lợi suất TPCP Mỹ tăng khiến môi trường lãi suất trong nước liên tục chịu áp lực kể từ cuối năm 2025, tạo sức ép đến chính sách tiền tệ. Tính từ T10/2025 đến nay (T5/2026), lãi suất huy động đã tăng từ 1,2% - 3% tùy ngân hàng, kỳ hạn và ưu đãi. Mặc dù, NHNN đã họp chỉ đạo các ngân hàng giảm lãi suất từ đầu tháng 4, mức giảm tương đối hạn chế (0,1% - 0,5%) và vẫn có hiện tượng các ngân hàng tăng lãi suất huy động trở lại.**
- Chúng tôi kỳ vọng những nỗ lực hỗ trợ thanh khoản từ NHNN sẽ giúp nền lãi suất dần ổn định trở lại trong khi dư địa giảm được đánh giá là tương đối hạn chế do áp lực thanh khoản vẫn hiện hữu cùng sự bất định từ cuộc chiến Mỹ - Iran có thể ảnh hưởng đến quá trình giảm lãi suất của FED.

CẬP NHẬT KQKD NGÀNH NGÂN HÀNG Q1/2026

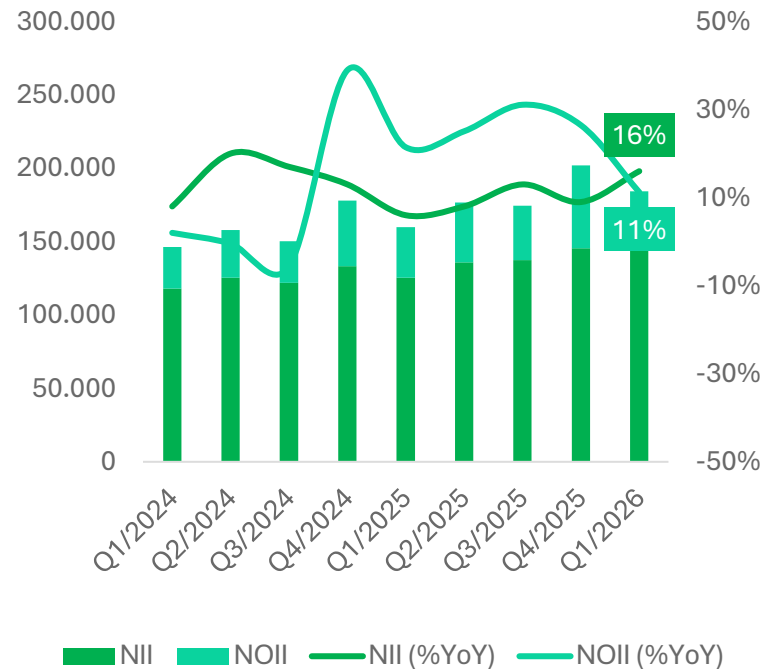


Kết quả kinh doanh: Lợi nhuận tăng trưởng 15% YoY

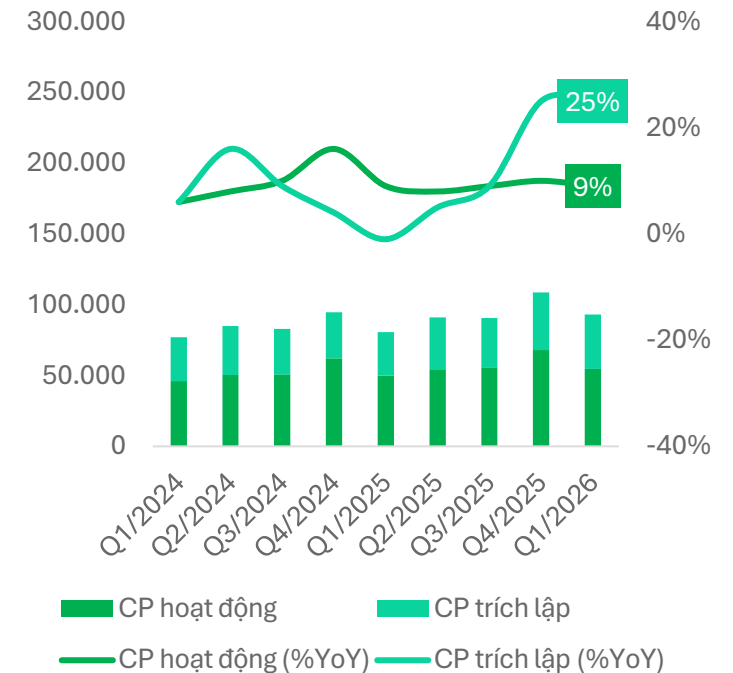
Kết quả kinh doanh



Cơ cấu tăng trưởng TOI



Cơ cấu tăng trưởng chi phí



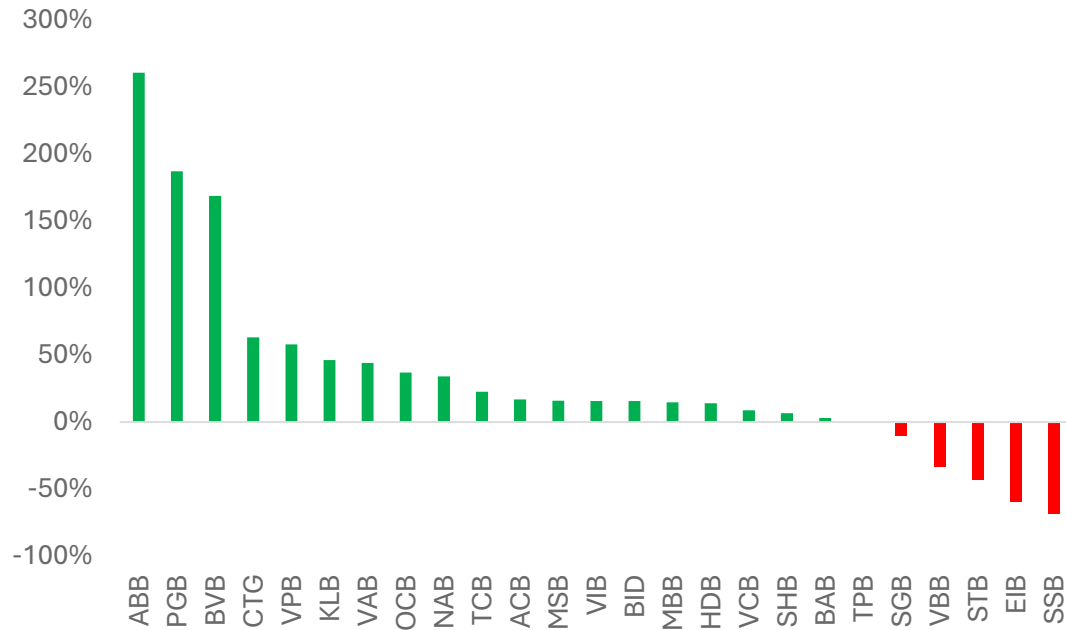
Nguồn: Fiinpro, DSC tổng hợp

➤ **Tăng trưởng tổng thu nhập hoạt động và LNTT ngành ngân hàng Q1/2026 lần lượt đạt 15% YoY và 15% YoY.** Trong đó, động lực chủ yếu đến từ thu nhập lãi thuần tăng trưởng 16% YoY từ mức nền thấp năm 2025 và chi phí hoạt động tiếp tục được kiểm soát tốt. Ngược lại, thu nhập ngoài lãi giảm tốc do điều kiện trading kém thuận lợi, điểm sáng hoạt động thu phí dịch vụ đang hồi phục tốt và hoạt động thu hồi nợ xấu vẫn được duy trì dù TT BĐS đã có tín hiệu thận trọng hơn.

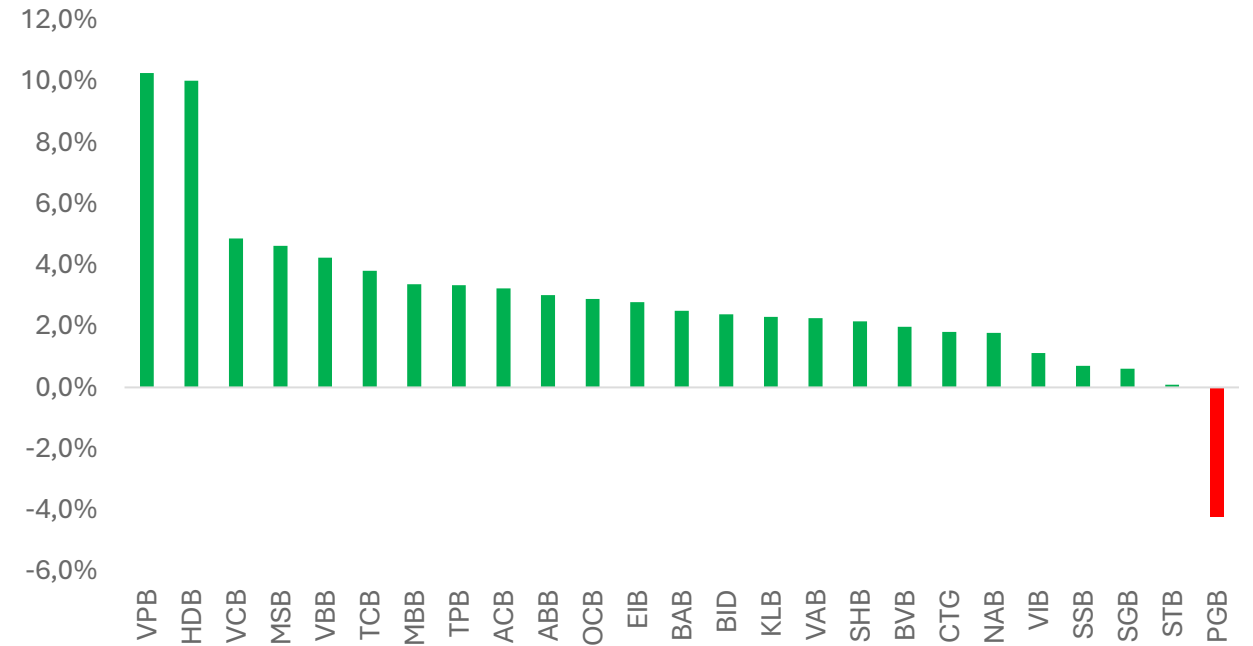
CẬP NHẬT KQKD NGÀNH NGÂN HÀNG Q1/2026

Kết quả kinh doanh: Lợi nhuận tăng trưởng 15% YoY

LNTT (%YoY)



Cho vay khách hàng (YTD)



Nguồn: Fiinpro, DSC tổng hợp

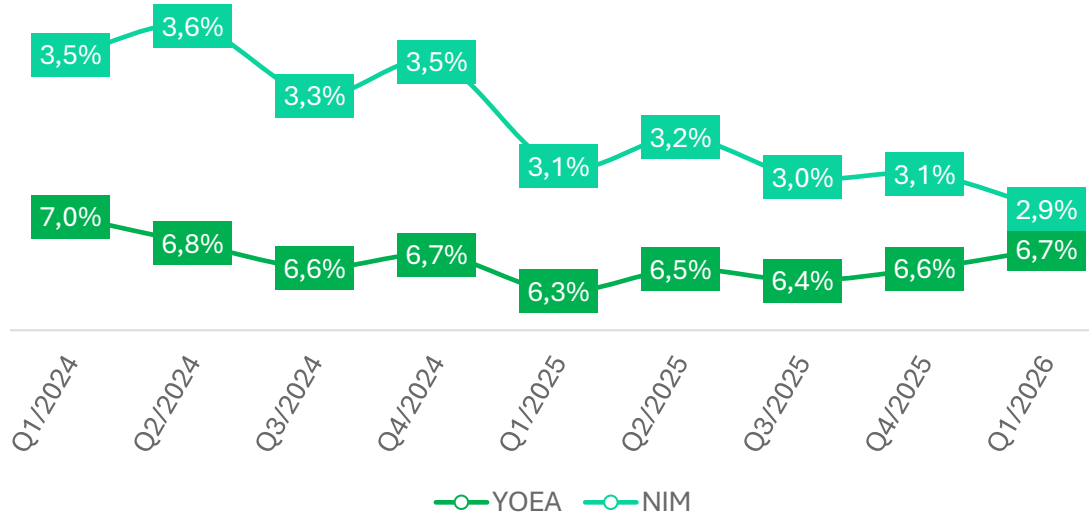
- **Tăng trưởng LNTT phân hóa giữa các ngân hàng**, trong đó một số ngân hàng quy mô nhỏ ghi nhận tăng trưởng lợi nhuận đột biến nhờ ghi nhận các nguồn thu bất thường, một số ngân hàng khác ghi nhận tăng trưởng âm chủ yếu do NIM thu hẹp, tăng trưởng tín dụng thấp và áp lực trích lập gia tăng.
- Tăng trưởng tín dụng cao tập trung ở một số ngân hàng bao gồm VPB, HDB, VCB – là những ngân hàng có năng lực cho vay tốt, nhận chuyển giao TCTD yếu kém và được cấp hạn mức cao hơn trung bình ngành.

CẬP NHẬT KQKD NGÀNH NGÂN HÀNG Q1/2026

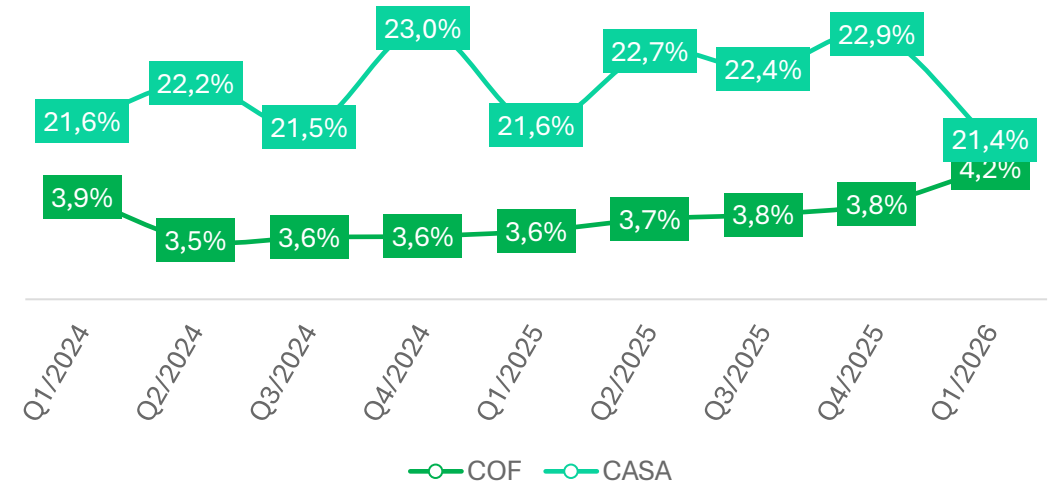


Kết quả kinh doanh: Biên lãi thuần thu hẹp đáng kể từ áp lực chi phí vốn

Biên lãi thuần chịu áp lực đáng kể



COF và CASA chịu áp lực trước môi trường lãi suất tăng



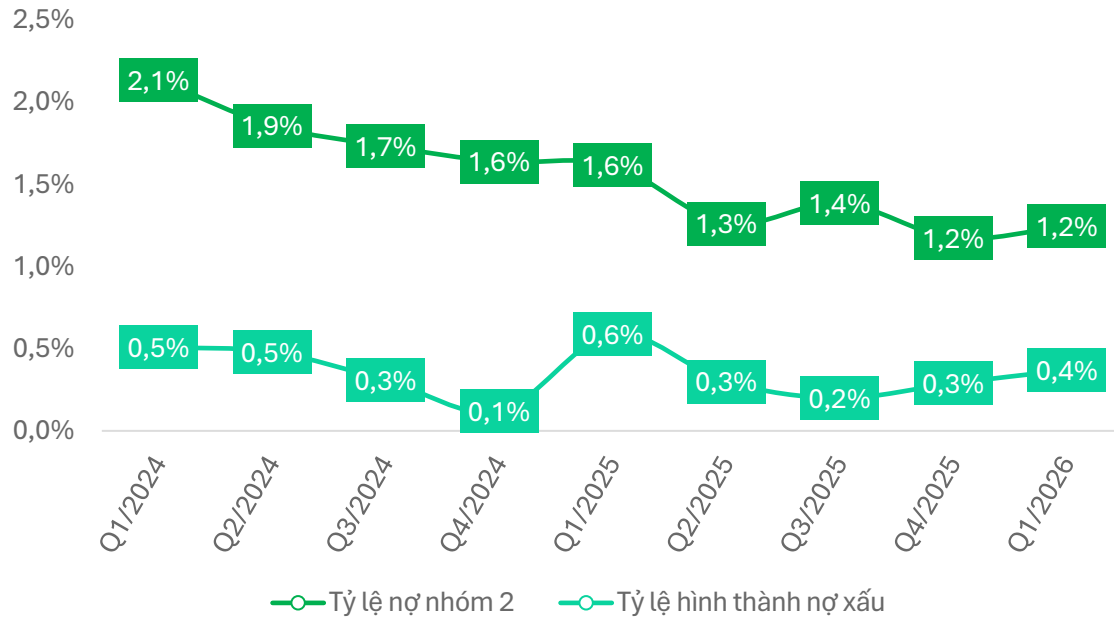
Nguồn: Fiinpro, DSC tổng hợp

- Lãi suất huy động đã tăng từ 1,2% - 3% tùy ngân hàng, kỳ hạn và ưu đãi của từng ngân hàng kể từ tháng 10/2025, trong đó mức tăng tập trung vào đầu năm 2026 đã ngay lập tức tác động đến chi phí vốn của toàn ngành. Mặc dù lãi suất huy động đã giảm nhẹ trước sự chỉ đạo của NHNN tuy nhiên mức giảm tương đối hạn chế, vì vậy chúng tôi đánh giá **COF vẫn sẽ tiếp tục tăng lên trong quý 2, phản ánh chu kỳ tái định giá lãi suất của những khoản huy động chưa đến hạn, sau đó ổn định hơn trong nửa cuối năm.**
- Ngược lại, lãi suất cho vay tăng chậm hơn chi phí vốn do áp lực duy trì môi trường lãi suất thấp, tốc độ tái định giá các khoản vay chậm hơn ở giai đoạn đầu khi lãi suất bắt đầu tăng và các lĩnh vực lãi suất cao như BĐS bị hạn chế tựu chung đã khiến NIM thu hẹp. **Chúng tôi kỳ vọng NIM có thể duy trì ở mức hiện tại hoặc cải thiện nhẹ tùy vào phân khúc, lĩnh vực cho vay của từng ngân hàng khi tốc độ tái định giá các khoản vay theo kịp chi phí vốn. Nhưng nhìn chung xu hướng NIM cả năm 2026 vẫn thấp hơn so với năm trước.**

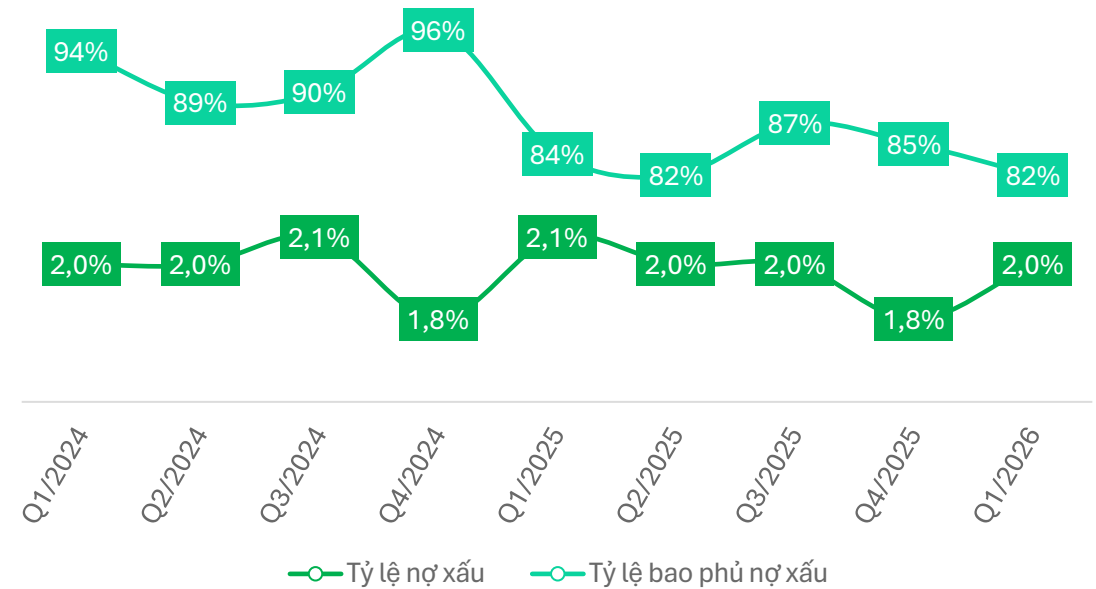
CẬP NHẬT KQKD NGÀNH NGÂN HÀNG Q1/2026

Chất lượng tài sản: Tỷ lệ nợ xấu có xu hướng tăng trở lại

Tốc độ hình thành nợ xấu có xu hướng gia tăng trở lại



Chất lượng tài sản suy giảm



Nguồn: Fiinpro, DSC tổng hợp

- Tỷ lệ nợ xấu Q1/2026 tăng lên 2% so với 1,8% tại thời điểm cuối năm 2025 và ngang với Q2 và Q3/2025 cho thấy khả năng tỷ lệ nợ xấu giảm vào cuối năm vẫn mang tính chất thời điểm tương tự như các năm trước.
- Trong khi đó, tỷ lệ nợ nhóm 2 và tỷ lệ hình thành có xu hướng tăng trở lại, đặc biệt là tỷ lệ nợ nhóm 2 lần đầu tăng trở lại kể từ Q2/2023.

CẬP NHẬT KQKD NGÀNH NGÂN HÀNG Q1/2026



Chất lượng tài sản: Tỷ lệ nợ xấu có xu hướng tăng trở lại

Tỷ lệ nợ xấu



Tỷ lệ bao phủ nợ xấu



Nguồn: Fiinpro, DSC tổng hợp

➤ Phần lớn các ngân hàng đều ghi nhận nợ xấu tăng trở lại so với thời điểm cuối năm 2025. **Chúng tôi đánh giá áp lực nợ xấu vẫn có thể tiếp diễn trong ngắn hạn do:** (1) Diễn biến tăng lãi suất tương đối nhanh trong thời gian ngắn và (2) Cuộc chiến Mỹ - Iran đã bắt đầu ảnh hưởng đến ngành sản xuất khi PMI có xu hướng giảm dù vẫn trên 50 điểm nhờ các DN nỗ lực tích trữ hàng tồn kho trong khi áp lực chi phí đầu vào tiếp tục tăng nhanh nhất trong 15 năm qua.

CẬP NHẬT KQKD NGÀNH NGÂN HÀNG Q1/2026



Tổng kết các chỉ tiêu quan trọng

Chỉ tiêu	Q1/2024	Q2/2024	Q3/2024	Q4/2024	Q1/2025	Q2/2025	Q3/2025	Q4/2025	Q1/2026
TOI (%YoY)	7%	15%	12%	19%	9%	12%	16%	13%	15%
LNTT (%YoY)	8%	19%	15%	28%	14%	18%	24%	12%	15%
Tăng trưởng tín dụng (YTD)	1,7%	7,3%	10,9%	17,4%	3,5%	10,0%	14,3%	19,6%	3,2%
Tăng trưởng nguồn vốn huy động (YTD)	-0,1%	3,8%	7,8%	14,7%	3,3%	10,0%	11,1%	16,6%	1,6%
YOEA (Q)	7,1%	6,8%	6,6%	6,7%	6,4%	6,6%	6,5%	6,6%	6,8%
COF (Q)	3,9%	3,5%	3,6%	3,6%	3,6%	3,7%	3,8%	3,8%	4,2%
NIM (Q)	3,5%	3,6%	3,3%	3,5%	3,1%	3,2%	3,0%	3,1%	2,9%
CIR (Q)	31,4%	31,9%	33,9%	34,9%	31,3%	30,8%	31,9%	33,7%	29,7%
Tỷ lệ trích lập DPRR (Q)	0,31%	0,33%	0,29%	0,28%	0,25%	0,28%	0,26%	0,29%	0,27%
ROE (TTM)	16,9%	17,0%	16,9%	17,3%	17,3%	17,4%	17,6%	17,3%	17,1%
LDR core	94,7%	96,5%	96,0%	95,6%	95,9%	95,8%	98,7%	97,8%	99,6%
Tỷ lệ nợ nhóm 2	2,1%	1,9%	1,7%	1,6%	1,6%	1,3%	1,4%	1,2%	1,2%
Tỷ lệ nợ xấu	2,0%	2,0%	2,1%	1,8%	2,1%	2,0%	2,0%	1,8%	2,0%
Tỷ lệ bao phủ nợ xấu	94%	89%	90%	96%	84%	82%	87%	85%	82%

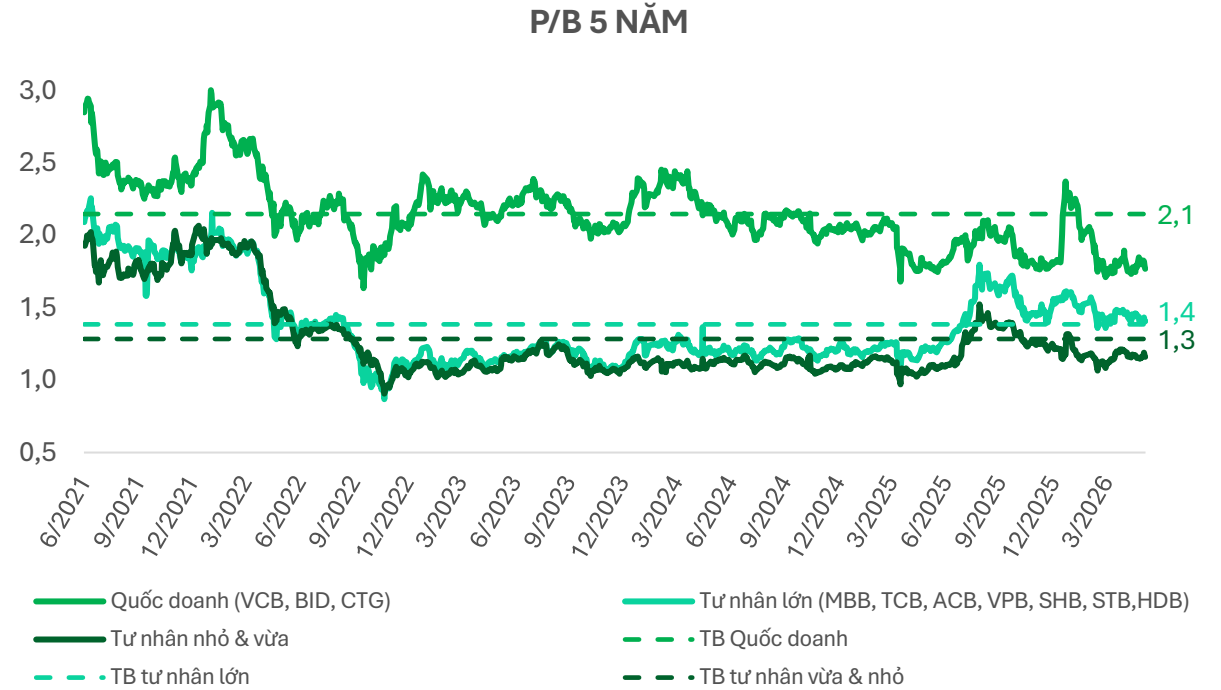
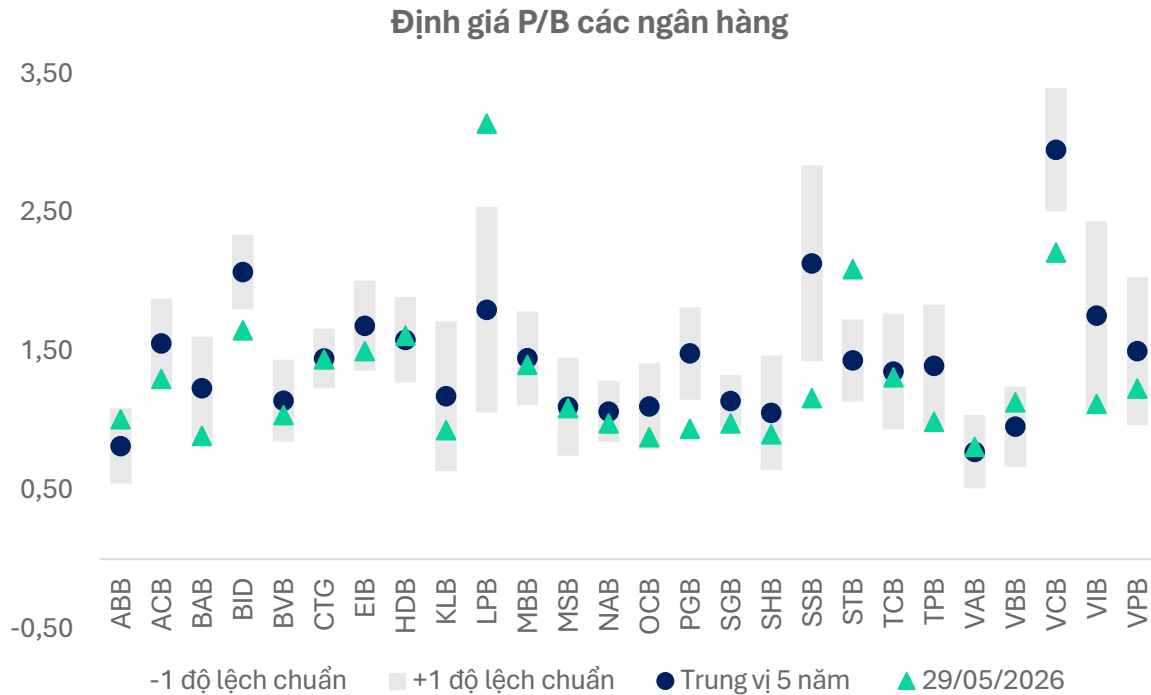
*Số liệu tổng hợp từ 25 ngân hàng niêm yết

- **Nhìn chung, Q1/2026 ngành ngân hàng vẫn ghi nhận tăng trưởng kết quả kinh doanh tương đối tích cực** nhờ tăng trưởng tín dụng cao so với cùng kỳ và chi phí hoạt động tiếp tục được kiểm soát tốt, trong khi chi phí vốn tăng đáng kể khiến biên lãi thuần tiếp tục thu hẹp.
- **Chất lượng tài sản vẫn trong xu hướng cải thiện kể từ năm 2023 tuy nhiên áp lực hình thành nợ xấu đang có dấu hiệu trở lại**, tạo sức ép đến chi phí trích lập dự phòng trong những quý tiếp theo.

CẬP NHẬT KQKD NGÀNH NGÂN HÀNG Q1/2026



Định giá: Định giá đã về vùng thấp hơn trung bình 5 năm gần nhất



Nguồn: Fiinpro, DSC tổng hợp

➤ **Định giá các cổ phiếu trong ngành đã liên tục điều chỉnh kể từ tháng 8/2025 xuống vùng thấp hơn trung bình 5 năm gần nhất, phản ánh những áp lực từ cả bên ngoài và nội tại của hệ thống ngân hàng.** Với môi trường lãi suất có xu hướng tăng nhưng vẫn thấp hơn trung bình và NHNN duy trì CSTT nới lỏng để hỗ trợ nền kinh tế hồi phục sau giai đoạn khủng hoảng do lãi suất tăng, khủng hoảng BĐS và TPDN kể từ năm 2022, chúng tôi đánh giá mức định giá hiện tại đã đủ hấp dẫn trong dài hạn với dư địa tăng giá đến từ cả tăng trưởng lợi nhuận ngành và hồi phục hệ số định giá.

TỔNG HỢP CHỈ SỐ TẠI Q1/2026

Mã cổ phiếu	TTS	VCSH	TOI	LNTT	Tăng trưởng TOI	Tăng trưởng LNTT	% Kế hoạch	CVKH	Huy động	NPL	LLR	YOEА	COF	NIM	CIR	Tỷ lệ CASA	ROE
	Tỷ	Tỷ	Tỷ	Tỷ	% YoY	% YoY		YTD	YTD	Q	Q	Q	Q	Q	Q	Q	TTM
BID	3.388.222	190.623	20.698	8.572	16%	16%	23%	2,4%	-0,2%	1,8%	87%	5,2%	3,5%	1,9%	32,0%	20,2%	18,4%
CTG	2.924.177	188.692	25.102	11.139	23%	63%	26%	1,8%	0,3%	1,0%	167%	6,0%	3,4%	2,8%	24,9%	24,9%	22,4%
VCB	2.550.963	234.031	21.180	11.803	23%	9%	26%	4,9%	0,7%	0,6%	253%	5,2%	2,6%	2,9%	32,5%	34,2%	16,3%
MBB	1.611.223	149.745	17.430	9.628	14%	15%	24%	3,4%	0,6%	1,4%	92%	7,4%	4,0%	3,8%	24,9%	33,1%	21,0%
VPB	1.372.010	186.605	19.908	7.921	28%	58%	19%	10,3%	11,8%	3,6%	53%	9,8%	5,4%	5,3%	21,7%	13,9%	16,1%
TCB	1.190.454	186.683	13.674	8.870	18%	23%	24%	3,8%	-2,0%	1,1%	129%	7,0%	4,2%	3,4%	28,3%	32,6%	15,6%
ACB	1.030.901	98.751	8.905	5.368	13%	17%	24%	3,2%	0,9%	1,0%	114%	6,8%	4,5%	2,8%	32,0%	21,8%	17,7%
HDB	984.216	83.186	9.953	6.107	8%	14%	20%	10,0%	11,9%	2,6%	50%	8,7%	5,4%	3,7%	26,0%	10,4%	24,8%
STB	859.572	61.477	7.538	2.106	-3%	-43%	26%	0,1%	-2,8%	6,6%	53%	8,3%	5,8%	2,6%	45,2%	16,2%	7,7%
SHB	930.983	71.723	7.471	4.656	23%	7%	25%	2,2%	4,5%	2,6%	71%	6,8%	4,5%	2,7%	17,2%	7,0%	18,4%
LPB	580.860	49.472	5.154	2.826	10%	-11%	19%	2,9%	2,0%	1,8%	70%	7,4%	5,2%	2,7%	30,1%	6,6%	24,6%
VIB	564.146	49.144	5.860	2.803	27%	16%	24%	1,1%	6,5%	2,9%	43%	7,6%	5,1%	2,9%	31,6%	14,2%	16,6%
TPB	527.169	48.034	4.899	2.106	9%	0%	20%	3,3%	-3,3%	2,2%	58%	7,6%	5,1%	2,8%	45,9%	20,0%	17,5%
NAB	409.207	24.680	2.307	1.643	1%	34%	26%	1,8%	3,1%	1,8%	56%	7,0%	4,0%	3,3%	38,9%	6,9%	20,2%
MSB	412.911	43.978	3.649	1.890	12%	16%	24%	4,6%	0,6%	2,7%	52%	7,0%	5,1%	2,1%	34,5%	26,5%	14,4%
SSB	403.198	41.482	2.914	1.388	-50%	-68%	20%	0,7%	-1,8%	2,2%	68%	7,1%	5,1%	2,5%	32,0%	11,0%	7,8%
OCB	344.098	34.901	2.722	1.224	20%	37%	18%	2,9%	4,8%	3,5%	56%	7,6%	5,3%	2,9%	37,1%	11,1%	12,8%
EIB	269.958	26.434	1.528	338	-15%	-59%	22%	2,8%	3,6%	3,1%	38%	6,4%	4,7%	2,1%	57,0%	14,6%	2,9%
ABB	250.098	17.903	3.078	1.500	136%	261%	33%	3,0%	7,8%	0,8%	123%	6,9%	5,7%	1,7%	23,5%	7,9%	21,7%
VBB	190.211	12.562	806	167	5%	-33%	8%	4,2%	-2,2%	3,4%	45%	8,2%	6,3%	2,2%	55,1%	3,4%	10,9%
BAB	193.570	13.609	966	378	1%	3%	23%	2,5%	0,2%	1,9%	68%	7,1%	5,7%	1,6%	51,2%	3,2%	9,4%
VAB	142.390	10.570	776	508	17%	44%	26%	2,3%	3,6%	1,3%	92%	7,5%	5,6%	2,0%	33,0%	4,8%	14,7%
BVB	136.884	7.657	898	216	61%	169%	31%	2,0%	3,3%	3,1%	46%	8,0%	5,9%	2,4%	52,1%	7,1%	7,4%
KLB	108.968	8.796	1.083	522	-4%	46%	20%	2,3%	1,5%	1,9%	86%	9,0%	5,6%	3,7%	38,6%	5,9%	25,5%
PGB	86.711	8.081	609	276	20%	187%	19%	-4,2%	-5,0%	4,0%	31%	6,1%	4,4%	2,1%	43,5%	17,3%	11,4%
SGB	35.505	4.267	290	88	-15%	-10%	28%	0,6%	-3,7%	3,5%	29%	6,9%	4,8%	2,5%	61,0%	7,7%	2,7%
Trung bình ngành								3,5%	1,6%	2,0%	82%	6,7%	4,2%	2,9%	29,7%	21,4%	17,1%

Xác nhận của chuyên viên phân tích

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán DSC và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.


Liên hệ - Trung tâm phân tích DSC


Đặng Thu Hiền

Chuyên viên phân tích

hien.dt@dsc.com.vn

Hội sở chính

 Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, HN

 (024) 3880 3456

 info@dsc.com.vn